

2. Ưu đãi về thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài, các loại thuế khác:

a) Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài:

Thu nhập mà chủ đầu tư nước ngoài có được do hoạt động đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài mang lại (kể cả số thuế thu nhập được hoàn lại và số thu nhập thu được do chuyển nhượng vốn) nếu chuyển ra nước ngoài hoặc giữ lại ngoài Việt Nam thì phải nộp thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài với thuế suất thấp nhất là 5%.

b) Các loại thuế khác:

Các loại thuế, phí và lệ phí khác thực hiện theo quy định hiện hành tại các luật thuế, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp luật khác.

3. Trình tự, thủ tục để hưởng các ưu đãi đầu tư:

Trình tự, thủ tục để xin hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định tại Thông tư này thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về trình tự, thủ tục để được hưởng các ưu đãi về tiền thuê đất, ưu đãi về thuế quy định tại các văn bản hiện hành về thuê đất, mặt nước, về chế độ thuế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 1999. Mọi quy định trước đây về chế độ tài chính đã áp dụng tại khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 21/1998/TT-BTM ngày 24/12/1998 hướng dẫn thi hành Quy chế về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Điều 2 Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế;

Bộ Thương mại hướng dẫn việc đăng ký kinh doanh hàng miễn thuế và một số vấn đề có liên quan đến hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế như sau:

I. ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

1. Doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây sẽ được Bộ Thương mại xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế:

1.1. Có trụ sở chính và hoạt động kinh doanh chủ yếu tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu quốc tế.

1.2. Đã đăng ký mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan địa phương.

1.3. Có vốn lưu động tính bằng tiền Việt Nam ít nhất bằng 20% doanh số hàng miễn thuế dự kiến sẽ bán hàng năm.

1.4. Có ít nhất 01 cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp và 01 cán bộ phụ trách cửa hàng miễn thuế có trình độ quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

09662683

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1.5. Có cửa hàng, kho hàng thuận tiện cho việc bán hàng và việc kiểm tra, giám sát của hải quan.

2. Hồ sơ gửi Bộ Thương mại để xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế bao gồm:

2.1. Đơn xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế có xác nhận và ý kiến đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành chủ quản.

2.2. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

2.3. Văn bản của Tổng cục Hải quan xác nhận vị trí đặt cửa hàng, kho hàng miễn thuế đáp ứng được các yêu cầu về kiểm tra và giám sát của hải quan.

3. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Thương mại sẽ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế cho doanh nghiệp hoặc có văn bản thông báo rõ lý do không cấp.

4. Việc xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế cho các cửa hàng có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Việc mở các cửa hàng miễn thuế phục vụ khách nhập cảnh, cửa hàng miễn thuế trong nội thành phục vụ đối tượng chờ xuất cảnh và cửa hàng miễn thuế phục vụ các đối tượng ngoại giao do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành hữu quan.

II. HÀNG HÓA BÁN TẠI CỬA HÀNG MIỄN THUẾ

1. Không được phép kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế các mặt hàng Nhà nước cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (trừ xì gà và thuốc lá điếu).

2. Các mặt hàng sau đây chỉ được phép đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế khi có giấy phép của Bộ Thương mại :

2.1. Xì gà và thuốc lá điếu.

2.2. Hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện.

3. Các mặt hàng không thuộc diện điều chỉnh của mục 2.1 và 2.2 trên đây, nếu phù hợp với Danh mục hàng hóa đăng ký kinh doanh bán miễn thuế quy định trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, được đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

4. Riêng đối với các cửa hàng miễn thuế có vốn đầu tư nước ngoài: việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phục vụ kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế được thực hiện theo giấy phép của Bộ Thương mại.

5. Hồ sơ xin cấp giấy phép xuất nhập khẩu hàng hóa được gửi về Bộ Thương mại, bao gồm:

5.1. Công văn của doanh nghiệp đề nghị Bộ Thương mại cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để phục vụ kinh doanh bán hàng miễn thuế, nêu rõ tên hàng, số lượng, trị giá.

5.2. Xác nhận của Bộ quản lý chuyên ngành (nếu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành).

5.3. Báo cáo tình hình tồn kho hàng hóa có xác nhận của Cục Hải quan địa phương.

III. VỀ TÁI XUẤT, TIÊU THỤ NỘI ĐỊA VÀ HỦY BỎ HÀNG HÓA

1. Hàng hóa đã được phép nhập khẩu theo văn bản của Bộ Thương mại để bán tại cửa hàng miễn thuế nhưng tồn đọng, khó tiêu thụ, nếu có nhu cầu tái xuất hoặc chuyển sang tiêu thụ tại thị trường nội địa (trừ thuốc lá điếu và xì gà) phải được phép của Bộ Thương mại.

2. Hồ sơ xin phép tái xuất hoặc tiêu thụ nội địa gồm:

2.1. Công văn đề nghị của doanh nghiệp.

2.2. Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu của lô hàng có liên quan.

2.3. Báo cáo tình hình tồn đọng hàng hóa có xác nhận của Cục Hải quan địa phương.

3. Đối với hàng đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất nghiêm trọng, quá hạn sử dụng không thể bán hoặc không được phép bán phục vụ tiêu dùng, doanh nghiệp lập biên bản về tình trạng hàng hóa có xác nhận của cơ quan hải quan và tổ chức hủy bỏ theo quy trình hủy bỏ phế liệu dưới sự giám sát của hải quan và lập biên bản gửi về Bộ Thương mại, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan thay cho báo cáo.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Việc tổ chức hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế: đối tượng bán hàng, thủ tục bán hàng, định mức mua hàng, thủ tục nhập khẩu, tái xuất hàng hóa, chế độ tài chính, kế toán v.v... thực hiện theo quy định tại Quy chế về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Hải quan.

2. Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông tư này, các doanh nghiệp đã được phép kinh doanh bán hàng miễn thuế tiến hành việc xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế thay thế các văn bản cho phép mở cửa hàng miễn thuế do Bộ Thương mại đã cấp trước đây. Hồ sơ gửi về Bộ Thương mại theo quy định tại điểm 2.1, 2.2 Phần I của Thông tư và báo cáo kết quả kinh doanh hàng miễn thuế của doanh nghiệp trong 3 năm 1996, 1997, 1998.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại

Thủ trưởng

MAI VĂN DẦU

TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ số 11/1998/TT-TCHQ ngày 01/12/1998 hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa, vật phẩm xuất nhập khẩu theo chế độ quà biếu, tặng.

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 16/CP ngày 07/3/1994 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Hải quan;

Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Thương mại (Công văn số 6218-TM/XNK ngày 26/11/1998). Tổng cục Hải quan quy định định lượng và hướng dẫn thủ tục hải quan đối với vật phẩm, hàng hóa xuất nhập khẩu theo chế độ quà biếu, tặng như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Về nguyên tắc, mọi đối tượng thuộc tổ chức và cá nhân trong nước kể cả tổ chức và cá nhân nước ngoài đều được làm thủ tục hải quan để nhận, gửi, vận chuyển, hàng hóa biếu tặng cho nhau nhằm mục đích trao đổi, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, sinh hoạt nhưng không mang tính chất thương mại.

2. Vật phẩm, hàng hóa xuất nhập khẩu theo chế độ quà biếu, tặng đều phải làm thủ tục hải quan, chịu sự giám sát quản lý của hải quan, nộp đủ các loại thuế, lệ phí theo quy định của pháp luật.

3. Không được biếu, tặng hàng hóa, vật phẩm thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Trường hợp biếu, tặng vật phẩm, hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện phải được phép của cơ quan có thẩm quyền.

5. Quà biếu, tặng là vật phẩm, hàng hóa trong phạm vi định lượng được phép nhập khẩu thì không

09662683

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684